TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 5-4- 2022
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh
2/ Bà Mai Hồng Thắm
-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2022 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Mỹ H,** sinh năm**:** 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp Tây H, xã Bình T, huyện T, tỉnh An Giang
Tạm trú: Tổ 4, ấp V, xã Vĩnh T, huyện T, tỉnh An Giang.

2.*Bị đơn*: Anh **Nguyễn Trung N,** sinh năm: 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 3/12/2021, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Trung N quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2020, Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống chúng tôi đã phát sinh quá nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, không còn tiếng nói chung trong cuộc sống và tình cảm. Do vậy hai vợ chồng đã ly thân được

8 tháng nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Trung N.

- *Về con chung*: Không có

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Trung N***:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh với anh Nguyễn Trung N vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị H. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh Ngân tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh N hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở Ấp Đông Bình Nhất, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, nhưng anh N vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H ly hôn với anh N. Về con chung, về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định***:**

[1] *Về thủ tục tố tụng***:** Anh Nguyễn Trung N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Ngân vẫn vắng mặt không lý do. Còn chị Trần Thị Mỹ Hcó đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Trung N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Trung N kết hôn với nhau vào năm 2020, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị H trình bày trong quá trình chung sống chúng tôi đã phát sinh quá nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, không còn tiếng nói chung trong cuộc sống và tình cảm. Do vậy hai vợ chồng đã ly thân nhau từ đó cho đến nay. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm

mâu thuẩn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy mời nhưng anh N cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị H. Hiện tại chị H xác định không còn tình cảm với anh N. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H cũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị H và anh N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014

[2.2]Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí**:** Do yêu cầu của Chị Trần Thị Mỹ H được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ H. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Trung N

Giấy chứng nhận kết hôn số: 57 /KH, ngày 11/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: không có

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xé

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002689 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Chị Trần Thị Mỹ H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 5/4/2022). Anh Nguyễn Trung N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung